

Bài học ngày 27.4.2022

THÔNGIỆP CỦA HY VỌNG
Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh
(Brahmāyācanasuttam)

CHƯƠNG VI. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN – PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 136)

Bài kinh này ghi lại một sự kiện quan trọng đối với nhân loại, đối với tất cả chúng sanh khi Đấng Giác Ngộ chính thức xác định khởi sự công cuộc hoằng hoá độ sanh. Ngay sau khi thành đạo có những thời khắc mà Đức Phật với vô biên trí quán chiếu sự thâm thâm vi diệu đối với pháp Ngài giác ngộ. Chỉ riêng sự tương phản giữa ái chấp trầm nịch và ly tham tịch tịnh niết bàn quả thật không dễ dàng để thuyết phục chúng sanh đi ngược dòng. Trong phút chốc ngắn ngủi Đức Thiện Thệ hướng tâm đến an tịnh không thuyết pháp. Do đại sự nhân duyên, Phạm thiên Sahampati đã xuất hiện thỉnh cầu Phật hoằng hoá độ sanh. Ngay sau đó, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh trong đời. Điểm đầu tiên Ngài nhận thấy có sự khác biệt. Có kẻ nặng lòng trần cũng có người tâm cao khiết. Có chúng sanh huệ căn thấp cũng có người thông tuệ. Có chúng sanh ý thức được phần nào hệ lụy của kiếp trầm luân sanh tử. Trong nhận định, Đức Phật cũng có hình ảnh tỷ giảo như hoa sen trong nước. Có mầm còn trong bùn; có cây đã mọc trong nước, cũng có những cành sen vươn khỏi mặt hồ. Ngài nhận thấy khả tính giác ngộ của chúng sanh và tuyên bố cửa bất tử được rộng mở. Đó là thông điệp của hy vọng. Cũng là lời hứa khả của Đấng Từ Tôn.



Kinh Văn

Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – “adhigato kho myāyaṃ dhammo gambhīro duddaso duranubodho santo paṇīto atakkāvacarō nipuṇo paṇḍitavedanīyo. Ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā. Ālayarāmāya kho pana pajāya ālayaratāya ālayasammuditāya duddasaṃ idaṃ ṭhānaṃ yadidaṃ idappaccayatāpaṭiccasamuppādo. Idampi kho ṭhānaṃ duddasaṃ yadidaṃ sabbasaṅkhārasamatho sabbūpadhipaṭinissaggo taṇhākkhayo virāgo nirodho nibbānaṃ. Ahañceva kho pana dhammaṃ deseyyaṃ; pare ca me

na ajāneyyum; so mamassa kilamatho, sā mamassa vihesā”ti.

Tôi được nghe như vậy:

Thưa ấy Đức Thế Tôn trú tại Uruvelā cạnh bờ sông Nerañjarā dưới gốc cây Đa Của Những Người Chăn Dê không lâu sau khi thành đạo.

Bây giờ trong lúc độc cư tịnh mặc, ý nghĩ sau đây khởi lên nơi Đức Thế Tôn:

Pháp này do ta liễu ngộ thật thâm sâu, khó thấy, khó hiểu, an tịnh, cao cả, vượt ngoài lý luận, tế nhị, chỉ có thể lãnh hội bởi người trí. Chúng sanh đa phần ưa thích vướng mắc, vui trong vướng mắc, đắm mê trong vướng mắc. Rất khó để chúng sanh hiểu được duyên khởi trong định lý y tương sinh. Thật không dễ dàng để lãnh hội sự đình chỉ các hành, từ bỏ tất cả sở y, đoạn tận ái chấp, ly tham, tịch tịnh niết bàn. Nếu ta giảng giải Chân Pháp mà không có người lãnh hội thì thật là vất vả, phiền lụy cho ta.

Apissu bhagavantam imā anacchariyā gāthāyo paṭibhaṃsu pubbe assutapubbā –

**“Kicchena me adhigatam, halam dāni pakāsitum;
Rāgadosaparetehi, nāyaṃ dhammo susambudho.**

**“Paṭisotagāmiṃ nipuṇam, gambhīram duddasaṃ aṇum;
Rāgarattā na dakkhanti, tamokhandhena āvuṭā”ti.**

Itiha bhagavato paṭisañcikkhato apposukkatāya cittaṃ namati, no dhammadesanāya.

Rồi thì tứ sau đây, vốn chưa từng có trước kia, được Đức Thế Tôn nói lên:

Quá đủ để cố gắng tuyên thuyết
Điều ta đã chứng ngộ với bao công khó
Pháp này không dễ dàng để lãnh hội
Cho những người bị tham, sân chi phối.

Đối với người nung nấu trong ái và bao phủ bởi vô minh
Sẽ không bao giờ hiểu được pháp thâm thúy này
Cao sâu, khó thấy, tế nhị
Đi ngược dòng đời.

Từ ý nghĩ như vậy Đức Thế Tôn hướng về an tịnh, không muốn thuyết giảng.

Atha kho brahmuno sahampatissa bhagavato cetasā cetoparivitakkamaññāya etadahosi – “nassati vata bho loko, vinassati vata bho loko, yatra hi nāma tathāgatassa arahato sammāsambuddhassa appossukkatāya cittaṃ namati [namissati (?)], no dhammadesanāyā”ti. Atha kho brahmā sahampati – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ [sammiñjitaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – brahmaloke antarahito bhagavato purato pāturahosi. Atha kho brahmā sahampati ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā dakkhiṇajāṇumaṇḍalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena bhagavā tenañjalim paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – “desetu, bhante, bhagavā dhammaṃ, desetu sugato dhammaṃ. Santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti. Bhavissanti dhammassa aññātāro”ti. Idamavoca brahmā sahampati, idaṃ vatvā athāparaṃ etadavoca –

“Pāturahosi magadhesu pubbe,
Dhammo asuddho samalehi cintito;
Apāpuretaṃ amatassa dvāraṃ,
Suṇantu dhammaṃ vimalenānubuddhaṃ.

“Sele yathā pabbatamuddhaniṭṭhito,
Yathāpi passe janataṃ samantato;
Tathūpamaṃ dhammamayaṃ sumedha,
Pāsādamāruyha samantacakkhu;
Sokāvatiṇṇaṃ janatamapetasoko,
Avekkhassu jātijaṃ abhibhūtaṃ.

“Uṭṭhehi vīra vijitasāṅgāma,
Satthavāha anaṇa vicara loke;
Desassu bhagavā dhammaṃ,
Aññātāro bhavissanti”ti.

Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm mình biết được tâm của Đức Thế Tôn khởi lên suy tư: Ôi thế giới sẽ mất mát, ôi thế giới sẽ hoại vong nếu tâm của Đức Như Lai, bậc Ứng cúng, đáng Chánh Đẳng Chánh Giác hướng về an tịnh, không thuyết giảng chánh pháp.

Rồi Phạm thiên Sahampati, nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay, biến mất ở cõi phạm thiên hiện ra trước Đức Thế Tôn. Vị ấy đáp thượng y một bên vai, quỳ chân phải, chấp tay cung kính hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

Bạch Thế Tôn xin hãy thuyết pháp. Bạch Thiện Thệ xin hãy thuyết pháp. Có những chúng sanh với ít bụi trần trong mắt sẽ sa đoạn nếu không được nghe Chánh Pháp. Sẽ có những chúng sanh lãnh hội được diệu pháp.

Phạm thiên Sahampati bạch như vậy rồi nói lên kệ ngôn:

Xưa người Magadha
Uế nhiễm sanh tà đạo
Xin mở Cửa Bất Tử
Chúng sanh được nghe Pháp
Thuyết bởi Đấng Vô Nhiễm.

Như đứng trên đỉnh cao
Nhìn quần sanh dưới đất
Bậc Đại Trí, Pháp Nhân
Leo lầu cao chánh pháp
Tự tại, nhìn quần mê
Còn chìm trong đau khổ
Bị sanh già bức bách.

Đứng lên, Bậc Đại Hùng
Bậc dẫn đạo bất bại
Chẳng vương nợ trần ai
Xin du hoá cõi đời
Thế Tôn giảng chánh pháp
Ắt có người lãnh hội.

Atha kho bhagavā brahmuno ca ajjhesanaṃ viditvā sattesu ca kāruṇṇātaṃ paṭicca buddhacakkhunā lokam volokesi. Addasā kho bhagavā buddhacakkhunā lokam volokento satte apparajakkhe mahārajakkhe tikkhindriye mudindriye svākāre dvākāre suviññāpaye duviññāpaye, appekacce paralokavajjabhayadassāvine viharante, appekacce na paralokavajjabhayadassāvine [dassāvino (sī. syā. kaṃ. pī.)] viharante. Seyyathāpi nāma uppaliniyaṃ vā paduminiyaṃ vā puṇḍarīkiniyaṃ vā appekaccāni uppalāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni udakānuggatāni anto nimuggaposīni, appekaccāni uppalāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni samodakaṃ ʈhitāni, appekaccāni uppalāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni udakā accuggamma ʈhitāni [tiṭṭhanti (sī. syā. kaṃ. pī.)] anupalittāni udakena; evameva bhagavā buddhacakkhunā lokam volokento addasa satte apparajakkhe mahārajakkhe tikkhindriyemudindriye svākāre dvākāre suviññāpaye duviññāpaye, appekacce paralokavajjabhayadassāvine viharante, appekacce na paralokavajjabhayadassāvine viharante. Disvāna brahmānaṃ sahampatiṃ gāthāya paccabhāsi –

“Apārutā tesam amatassa dvārā,

**Ye sotavanto pamañcantu saddham;
Vihimsasaññi paguṇaṃ na bhāsiṃ,
Dhammaṃ pañītaṃ manujesu brahme’’ti.**

Đức Thế Tôn nhận biết lời thỉnh cầu của Phạm thiên. Ngài dùng Phật nhãn quan sát thế gian với tâm bi mẫn. Với tâm nhìn, Ngài thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi trần, có hạng phủ đầy bụi bẩn. có hạng lợi căn, có hạng độn căn; có hạng tầm thường, có hạng cao thượng; có hạng nan giáo, có hạng dễ thuần hoá; một số ít thấy được hệ lụy của sanh tử. Giống như hồ sen nhiều màu với sen xanh, sen đỏ, sen trắng. Có những mầm sen còn trong bùn, có những cây sen đã lớn trong nước, có những sen đã trồi lên khỏi mặt nước không bị thấm ướt. Cũng vậy chúng sanh trong đời có hạng ít nhiễm bụi trần, có hạng phủ đầy bụi bẩn. có hạng lợi căn, có hạng độn căn; có hạng tầm thường, có hạng cao thượng; có hạng nan giáo, có hạng dễ thuần hoá; một số ít thấy được hệ lụy của sanh tử.

Sau khi quán sát như vậy, Ngài đã trả lời cho Phạm thiên Sahampatti với kệ ngôn

Thấy vậy, Ngài trả lời cho Phạm thiên Sahampati với những bài kệ:

Cửa bát tử rộng mở
Cho những ai có tai
Muốn nghe và tin tưởng
Trước nghĩ về khó khăn
Ta định không thuyết pháp
Thâm sâu và tế nhị
Với quần sanh trong đời
(Đúng là thế) Phạm thiên!

**Atha kho brahmā sahampati “katāvakāso khomhi bhagavatā
dhammadesanāyā’’ti bhagavantaṃ abhivādetvā padakkhiṇaṃ katvā
tatthevantaradhāyīti.**

Rồi Phạm thiên Sahampati biết được: "Lời thỉnh cầu hoằng pháp của ta đã được Đức Thế Tôn chấp thuận", đành lễ Thế Tôn, thân bên phải hướng về Ngài và biến mất.



Buddhacakkhu - Phật nhãn - ở đây đặc biệt chỉ cho khả năng nhận diện căn cơ của chúng sanh. Đức Phật được xem là bậc có “năm con mắt”. Bốn mắt

khác là tuệ nhãn (*samantacakkhu*). Pháp nhãn (*dhammacakkhu*), thiên nhãn (*dibbacakkhu*) và nhục nhãn (*mamsacakkhu*).

Paralokavajjabhayadassāvino = thấy được sự sợ hãi và khiếm khuyết trong thế giới khác có nghĩa là ý thức được hệ lụy của sự tái sanh.

Katāvakaṣo kho 'mhi bhagavatā dhammadesanāya – Ta đã tạo được duyên sự thỉnh Phật thuyết pháp - được hiểu là Phạm thiên biết Đức Phật nhận lời hồng hoá độ sinh.



Thích nghĩa

Theo Luật Tạng sự kiện này xảy ra sau bảy tuần lễ kể từ khi Đức Thế Tôn thành đạo.

Theo Sớ giải thì có những thông lệ mà tất cả chư Phật toàn giác đều giống nhau như khi đản sanh, chuyển pháp luân, niết bàn đều có lời cầu thỉnh vì đó là những đại sự nhân duyên. (Thỉnh Phật chuyển pháp luân cũng xem là hạnh nguyện lớn trong văn hoá Phật giáo Đại Thừa)

Sự tương phản lớn giữa mê chấp nhị ái và ly tham niết bàn chính là điều khiến Đức Thế Tôn tự vấn có nên thuyết pháp bởi vì đi ngược lại khuynh hướng cố hữu của chúng sanh.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-

1. Brahmāyācanasuttaṃ [Mūla]

172. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitaṅko udapādi – “adhigato kho myāyaṃ dhammo gambhīro duddaso duranubodho santo paṇīto atakkāvacaṇo nipuṇo paṇḍitavedanīyo. Ālayarāmā kho paṇāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā. Ālayarāmāya kho pana pajāya ālayaratāya ālayasammuditāya duddasaṃ idaṃ tṭhānaṃ yadidaṃ idappaccayatāpaṭiccasamuppādo. Idampi kho tṭhānaṃ duddasaṃ yadidaṃ sabbasaṅkhārasamatho sabbūpadhipaṭinissaggo taṇhākkhayaṃ virāgo nirodho nibbānaṃ. Ahañceva kho pana dhammaṃ deseyyaṃ; pare ca me na ājāneyyaṃ; so mamaṃsa kilamatho, sā mamaṃsa vihesā”ti. Apissu bhagavantaṃ imā anacchariyā gāthāyo paṭibhaṃsu pubbe assutaṃpubbā –

“Kicchena me adhigataṃ, halaṃ dāni pakāsitaṃ;
Rāgadosaparetehi, nāyaṃ dhammo susambudho.

“Paṭisotaḡāmiṃ nipuṇaṃ, gambhīraṃ duddasaṃ aṇuṃ;
Rāgarattā na dakkhanti, tamokkhandhena āvutaṃ”ti [tamokkhandhena āvutāti (sī. syā. kaṃ. pī.)].

Itiha bhagavato paṭisaṅcikkhato appossukkatāya cittaṃ namati, no dhammadesanāya.

Atha kho brahmuno sahaṃpatissa bhagavato cetasaṃ cetoparivitaṅkamaññāya etadahosi – “nassati vata bho loko, vinassati vata bho loko, yatra hi nāma tathāgatassa arahato sammāsambuddhassa appossukkatāya cittaṃ namati [namissati (?)], no dhammadesanāya”ti. Atha kho brahmā sahaṃpati – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ [sammiñjitaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – brahmaloke antarahito bhagavato purato pāturahosi. Atha kho brahmā sahaṃpati ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā dakkhiṇajāṇumaṇḍalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena bhagavā tenañjaliṃ paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – “desetu, bhante, bhagavā dhammaṃ, desetu sugato dhammaṃ. Santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti. Bhavissanti dhammassa aññātāro”ti. Idamavoca brahmā sahaṃpati, idaṃ vatvā athāparaṃ etadavoca –

“Pāturahosi magadhesu pubbe,
Dhammo asuddho samalehi cintito;
Apāpuretaṃ [avāpuretaṃ (sī.)] amatassa dvāraṃ,
Suṇantu dhammaṃ vimalenānubuddhaṃ.

“Sele yathā pabbatamuddhaniṭṭhito,
Yathāpi passe janataṃ samantato;
Tathūpamaṃ dhammamayaṃ sumedha,
Pāsādamāruya samantacakkhu;
Sokāvatiṇṇaṃ [sokāvakiṇṇaṃ (sī.)] janatamapetasoko,
Avekkhassu jātijarābhibhūtaṃ.

“Uṭṭhehi vīra vijitasāṅgāma,
Satthavāha anaṇa [aṇaṇa (rūpasiddhiṭṭkā)] vicara loke;
Desassu [desetu (syā. kaṃ. pī. ka.)] bhagavā dhammaṃ,
Aññātāro bhavissantī’ ti.

Atha kho bhagavā brahmuno ca ajjhesanaṃ viditvā sattesu ca kāruṇṇataṃ paṭicca buddhacakkhunā lokam volokesi. Addasā kho bhagavā buddhacakkhunā lokam volokento satte apparajakkhe mahārajakkhe tikkhindriye mudindriye svākāre dvākāre suviññāpaye duviññāpaye, appekacce paralokavajjabhayadassāvīne viharante, appekacce na paralokavajjabhayadassāvīne [dassāvīno (sī. syā. kaṃ. pī.)] viharante. Seyyathāpi nāma uppalinīyaṃ vā padumīniyaṃ vā puṇḍarīkīniyaṃ vā appekaccāni uppālāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni udakānuggatāni anto nimuggaposīni, appekaccāni uppālāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni samodakaṃ ṭhitāni, appekaccāni uppālāni vā padumāni vā puṇḍarīkāni vā udake jātāni udake saṃvaḍḍhāni udakā accuggamma ṭhitāni [tiṭṭhanti (sī. syā. kaṃ. pī.)] anupalittāni udakena; evameva bhagavā buddhacakkhunā lokam volokento addasa satte apparajakkhe mahārajakkhe tikkhindriyemudindriye svākāre dvākāre suviññāpaye duviññāpaye, appekacce paralokavajjabhayadassāvīne viharante, appekacce na paralokavajjabhayadassāvīne viharante. Disvāna brahmānaṃ sahampatiṃ gāthāya paccabhāsi –

“Apārutā tesam amatassa dvārā,
Ye sotavanto pamuñcantu saddham;
Vihimsasaññī paṇaṃ na bhāsiṃ,
Dhammaṃ paṇītaṃ manujesu brahme’ ti.

Atha kho brahmā sahampati “katāvakāso khomhi bhagavatā dhammadesanāyā’ ti bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇam katvā tatthevantaradhāyīti.

1. Brahmāyācanasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

172. Brahmasaṃyuttassa paṭhame **parivtakko udapādīti** sabbabuddhānaṃ āciṅṇasamāciṅṇo ayaṃ cetaso vitakko udapādi. Kadā udapādīti? Buddhabhūtaṃ aṭṭhame sattāhe rājāyatanamūle sakkena devānamindena ābhatam dantakaṭṭhaṅca osadhaharītakaṅca khāditvā mukham dhovivā catūhi lokapālehi upanīte paccagghe selamayapatte tapussabhallikānaṃ piṇḍapātaṃ paribhuñjitvā puna paccāgantvā ajapālanigrodhe nisinnamattassa.

Adhigatoti paṭividdho. **Dhammoti** catusaccadhammo. **Gambhīroti** uttānapaṭikkhepavacanametam. **Duddasoti** gambhīrattāva duddaso dukkhena daṭṭhabbo, na sakkā sukkena daṭṭhum. **Duddasattāva duranubodho** dukkhena avabujjhitaṃ, na sakkā sukkena avabujjhitaṃ. **Santoti** nibbuto. **Paṇītoti** atappako. **Idam dvayaṃ lokuttarameva sandhāya vuttam.** **Atakkāvacaroti** takkena avacaritaṃ ogāhitaṃ na hoti, ñāṇeneva avacaritaṃ. **Nipuṇoti** saṅho. **Paṇḍitavedanīyoti** sammāpaṭipadam paṭipannehi paṇḍitehi veditaṃ. **Ālayarāmāti** sattā pañcasu kāmagaṇesu allīyanti, tasmā te **ālayāti** vuccanti. **Aṭṭhasatataṅhāvicarītāni** vā allīyanti, tasmāpi **ālayāti** vuccanti. **Tehi ālayehi ramantīti ālayarāmā.** **Ālayesu ratāti ālayaratā.** **Ālayesu sutṭhu muditāti ālayasammuditā.** **Yatheva hi susajjitaṃ pupphaphalabharitarukkhādisampannaṃ uyyānaṃ pavittṭho rājā tāya tāya sampattiyā ramati, sammudito āmoditapamodito hoti, na ukkaṅṭhati, sāyampi nikkhamitaṃ na icchati, evamimehipi kāmālayataṅhālayehi sattā ramanti, saṃsāravatte sammuditā anukkaṅṭhitā vasanti. Tena tesam bhagavā duvidham ālayaṃ uyyānabhūmiṃ viya dassento “ālayarāmā”tiādīmāha.**

Tattha **yadidanti** nipāto, tassa ṭhānaṃ sandhāya “yaṃ ida”nti, paṭiccasamuppādam sandhāya “yo aya”nti evamattho daṭṭhabbo. **Idappaccayatāpaṭiccasamuppādoti** imesaṃ paccayā idappaccayā, idappaccayā eva idappaccayatā, idappaccayatā ca sā paṭiccasamuppādo cāti **idappaccayatāpaṭiccasamuppādo.** **Saṅkhārādipaccayānaṃ etaṃ adhivacanaṃ.** **Sabbasaṅkhārasamathoti**ādi sabbam nibbānameva. **Yasmā hi taṃ āgamma sabbasaṅkhāravipphanditāni samanti, vūpasammanti, tasmā sabbasaṅkhārasamathoti** vuccati. **Yasmā ca taṃ āgamma sabbe upadhayo paṭinissatṭhā honti, sabbā taṅhā khīyanti, sabbe kilesarāgā virajjanti, sabbam dukkham nirujjhati, tasmā sabbūpadhipaṭinissaggo taṅhākkhayo virāgo nirodhoti** vuccati. **Yā panesā taṅhā bhavena bhavaṃ, phalena vā saddhiṃ kammaṃ vinati saṃsibbatīti katvā vānanti** vuccati, tato nikkhantaṃ vānatoti **nibbānaṃ.** **So mamassa kilamathoti** yā ajānantānaṃ desanā nāma, so mama kilamatho assa, sā mama vihesā assāti attho. **Kāyakilamatho** ceva kāyavihesā ca assāti vuttam hoti. **Citte pana ubhayampetaṃ buddhānaṃ natthi. Apissūti** anubrūhanatthe nipāto. **So “na kevalaṃ ayaṃ parivtakko udapādi, imāpi gāthā**

paṭibhamsū’ ti dīpeti. **Anacchariyāti** anuacchariyā. **Paṭibhamsūti** paṭibhānasaṅkhātassa ñāṇassa gocarā ahesuṃ, parivittakkayitabbataṃ pāpuṇiṃsu.

Kicchenāti dukkhena, na dukkhāya paṭipadāya. Buddhānaṃ hi cattāropi maggā sukhapaṭipadāva honti. Pāramīpūraṇakāle pana sarāgasadosasamohasseva sato āgatāgatānaṃ yācakānaṃ alaṅkatapaṭiyattaṃ sīsaṃ kantivā galalohitaṃ nīharitvā suañjitāni akkhīni uppāṭetvā kulavaṃsappadīpaṃ puttāṃ manāpacāriṇiṃ bhariyanti evamādīni dentassa aññāni ca khantivādisadesesu attabhāvesu chejjabhejjādīni pāpuṇantassa āgamaṇīyapaṭipadaṃ sandhāyetaṃ vuttaṃ. **Halanti** ettha **ha-** kāro nipātamatto, alanti attho. **Pakāsitunti** desituṃ, evaṃ kicchena adhigatassa alaṃ desituṃ pariyattaṃ desituṃ. Ko attho desitenāti vuttaṃ hoti? **Rāgadosaparetehi** rāgadosaphuṭṭhehi rāgadosānugatehi vā.

Paṭisotagāminti niccādīnaṃ paṭisotaṃ, “aniccaṃ dukkhamanattā asubha”nti evaṃ gataṃ catusaccadhammaṃ. **Rāgarattāti** kāmarāgena bhavarāgena diṭṭhirāgena ca rattā. **Na dakkhantīti** aniccaṃ dukkhamanattā asubhanti iminā sabhāvena na passisanti, te apassante ko sakkhissati evaṃ gāhāpetuṃ. **Tamokhandhena āvuṭṭāti** avijjārāsinaṃ ajjhotthaṭā.

Appossukkatāyāti nirussukkabhāvena, adesetukāmatāyāti attho. Kasmā panassa evaṃ cittaṃ nami? Nanu esa mutto mocessāmi, tiṇṇo tāressāmi –

“Kiṃ me aññātaveseṇa, dhammaṃ sacchikatenidha;
Sabbaññutaṃ pāpuṇitvā, tārayissaṃ sadevaka”nti. (bu. vaṃ. 2.56) –

Patthanaṃ katvā pāramiyo pūretvā sabbaññutaṃ pattoti? Saccametāṃ, tadevaṃ paccavekkhaṇānubhāvena panassa evaṃ cittaṃ nami. Tassa hi sabbaññutaṃ patvā sattānaṃ kilesagahanataṃ, dhammassa ca gambhīrataṃ paccavekkhantassa sattānaṃ kilesagahanatā ca dhammagambhīratā ca sabbākārena pākaṭā jātā. Athassa – “ime sattā kañjiyapunnā lābu viya, takkabharitā cāṭi viya, vasātelapītapilotikā viya, añjanamakkhitaṭṭho viya ca kilesabharitā atisaṃkiliṭṭhā rāgarattā dosaduṭṭhā mohamūḷhā, te kiṃ nāma paṭivijjhissantī”ti? Cintayato kilesagahanapaccavekkhaṇānubhāvenāpi evaṃ cittaṃ nami.

“Ayañca dhammo pathavīsandhārakaudakakkhandho viya gambhīro, pabbatena paṭicchādetvā ṭhapito sāsapo viya duddaso, satadhā bhinnassa vālassa koṭiyā koṭipaṭipādanaṃ viya duranubodho. Nanu mayā hi imaṃ dhammaṃ paṭivijjhitaṃ vāyamantena adinnaṃ dānaṃ nāma natthi, arakkhitaṃ sīlaṃ nāma natthi, aparipūritā kāci pāramī nāma natthi, tassa me nirussāhaṃ viya mārābalaṃ vidhamantassāpi pathavī na kampittha, paṭhamayāme pubbenivāsaṃ anussarantassāpi na kampittha, majjhimayāme dibbacakkhuṃ visodhentassāpi na kampittha, pacchimayāme pana paṭiccasamuppādaṃ paṭivijjhantasseva me dasasahassilokadhātu kampittha. Iti mādisenāpi tikkhaññāṇena kicchenevāyaṃ

dhammo paṭividdho. Taṃ lokiyamahājanā kathaṃ paṭivijjhissanti’ ti? Dhammagambhīrapaccavekkhaṇānubhāvenāpi evaṃ cittaṃ namīti veditabbaṃ.

Apica brahmunā yācite desetukāmatāyapissa evaṃ cittaṃ nami. Jānāti hi bhagavā – “mama apposukkatāya citte namamāne maṃ mahābrahmā dhammadesanaṃ yācissati, ime ca sattā brahmagarukā. Te ‘sathā kira dhammaṃ na desetukāmo ahosi. Atha naṃ mahābrahmā yācitvā desāpesi. Santo vata bho dhammo, paṇīto vata bho dhammo’ ti maññamānā sussūsissanti’ ti. Idampissa kāraṇaṃ paṭicca apposukkatāya cittaṃ nami, no dhammadesanāyāti veditabbaṃ.

Sahapatissāti so kira kassapassa bhagavato sāsane sahako nāma thero paṭhamajjhānaṃ nibbattetvā paṭhamajjhānabhūmiyaṃ kappāyukabrahmā hutvā nibbatta. Tatra naṃ “sahapatibrahmā” ti paṭisañjānanti. Taṃ sandhāyāha “brahmuno sahapatissā” ti. **Nassati vata bhoti** so kira imaṃ saddaṃ tathā nicchāresi, yathā dasasahasilokadhātubrahmāno sutvā sabbe sannipatiṃsu. **Yatra hi nāmāti** yasmiṃ nāma loke. **Purato pāturahosīti** tehi dasahi brahmasahashehi saddhiṃ pāturahosi. **Apparajakkhajātikāti** paññāmaye akkhimhi appaṃ parittaṃ rāgadosamoharajaṃ etesaṃ evamsabhāvāti **apparajakkhajātikā**. **Assavanatāti** assavanatāya. **Bhavissantīti** purimabuddhesu dasapuññakiriyavasena katādhikārā paripākagatā padumāni viya sūriyasmisamphassaṃ, dhammadesanaṃyeva ākaṅkhamānā catuppadikagāthāvasāne ariyabhūmiṃ okkamanārahā na eko, na dve, anekasatasahassā dhammassa aññātāro bhavissantīti dasseti.

Pāturahosīti pātubhavi. **Samalehi cintitoti** samalehi chahi sathārehi cintito. Te hi puretaraṃ uppajjitvā sakalajambudīpe kaṇṭake pattharamānā viya, viṣaṃ siṅcamānā viya ca samalaṃ micchādīṭṭhidhammaṃ desayiṃsu. **Apāpuretanti** vivaraṃ etaṃ. **Amatassa dvāranti** amatassa nibbānassa dvārabhūtaṃ ariyamaggaṃ. **Suṇantu dhammaṃ vimalenānubuddhanti** ime sattā rāgādimalānaṃ abhāvato vimalena sammāsambuddhena anubuddhaṃ catusaccadhammaṃ suṇantu tāva bhagavāti yācati.

Sele yathā pabbatamuddhaniṭṭhitoti selamaye ekagghane pabbatamuddhani yathāṭhitova. Na hi tassa ṭhitassa dassanattaṃ gīvukkipanapasāraṇādikiccaṃ atthi. **Tathūpamanti** tappaṭibhāgaṃ selapabbatūpamaṃ. Ayaṃ panettha saṅkhepattho – yathā selapabbatamuddhani ṭhitova cakkhumā puriso samantato janataṃ passeyya, tathā tvampi sumedha sundarapañña sabbaññutaññaṇena samantacakkhu bhagavā dhammamayaṃ pāsādamāruya sayāṃ apetasoko sokāvatiṇṇaṃ jātijarābhūtaṃ janataṃ avekkhassu upadhāraya upaparikkha. Ayaṃ panettha adhippāyo – yathā hi pabbatapāde samantā mahantaṃ khettaṃ katvā, tattha kedārapāḷisu kuṭikāyo katvā rattiṃ aggim jāleyyūṃ, caturaṅgasamannāgatañca andhakāraṃ assa, atha tassa pabbatassa matthake ṭhatvā cakkhumato purisassa bhūmiṃ olokayato neva khettaṃ na kedārapāḷiyo

na kuṭiyo na tattha sayitamanussā paññāyeyyūṃ. Kuṭikāsu pana aggijālāmattakameva paññāyeyya, evaṃ dhammapāsādaṃ āruyha sattanikāyaṃ olokayato tathāgatassa ye te akatakalyāṇā sattā, te ekavihāre dakkhiṇajāṇupasse nisinnāpi buddhacakkhussa āpāthaṃ nāgacchanti, rattiṃ khittā sarā viya honti. Ye pana katakalyāṇā veneyyapuggalā, te evassa dūrepi ṭhitā āpāthaṃ āgacchanti so aggi viya himavantapabbato viya ca. Vuttampi cetam –

“Dūre santo pakāsenti, himavantova pabbato;
Asantettha na dissanti, rattiṃ khittā yathā sarā”ti. (dha. pa. 304);

Ajjhesananti yācanam. **Buddhacakkhunāti** indriyaparopariyattañāṇena ca āsayānusayañāṇena ca. Imesaṃ hi dvinnam ñāṇanam “buddhacakkhū”ti nāmam, sabbaññutaññāṇassa “samantacakkhū”ti, tiṇṇam maggañāṇanam “dhammacakkhū”ti. **Apparajakkheti**ādīsu yesaṃ vuttanayeneva paññācakkhumhi rāgādirajam appam, te **apparajakkhā**. Yesaṃ taṃ mahantaṃ, te **mahārajakkhā**. Yesaṃ saddhādīni indriyāni tikkhāni, te **tikkhindriyā**. Yesaṃ tāni mudūni, te **mudindriyā**. Yesaṃ teyeva saddhādayo ākāraṃ sundarā, te **svākārā**. Ye kathitakāraṇam sallakkhenti, sukkena sakkā honti viññāpetum, te **suviññāpayā**. Ye paralokañceva vajjañca bhayato passanti, te **paralokavajjabhayadassāvino** nāma.

Ayaṃ panettha pāli – “saddho puggalo apparajakkho, assaddho puggalo mahārajakkho. Āraddhavīriyo, kusīto. Upatṭhitassati, mutṭhassati. Samāhito, asamāhito. Paññavā, duppañño puggalo mahārajakkho. Tathā saddho puggalo tikkhindriyo...pe... paññavā puggalo paralokavajjabhayadassāvī, duppañño puggalo na paralokavajjabhayadassāvī. Lokoti khandhaloko, āyatanaloko, dhātuloko, sampattibhavaloko, sampattisambhavaloko, vipattibhavaloko, vipattisambhavaloko. Eko loko sabbe sattā āhāraṭṭhitikā. Dve lokā nāmañca rūpañca. Tayo lokā tisso vedanā. Cattāro lokā cattāro āhārā. Pañca lokā pañcupādānakkhandhā. Cha lokā cha ajjhātikāni āyatanāni. Satta lokā satta viññāṇaṭṭhitiyo. Aṭṭha lokā aṭṭha lokadhammā. Nava lokā nava sattāvāsā. Dasa lokā dasāyatanāni. Dvādasa lokā dvādasāyatanāni. Aṭṭhārasa lokā aṭṭhārasa dhātuyo. Vajjanti sabbe kilesā vajjā, sabbe duccharitā vajjā, sabbe abhisañkhārā vajjā, sabbe bhavagāmikammā vajjā, iti imasmiñca loke imasmiñca vajje tibbā bhayasaññā paccupaṭṭhitā hoti, seyyathāpi ukkhittāsike vadhake. Imehi paññāsāya ākārehi imāni pañcindriyāni jānāti passati aññāsi paṭivijjhi. Idaṃ tathāgatassa indriyaparopariyatte ñāṇa”nti (paṭi. ma. 1.112).

Uppaliniyanti uppalavane. Itaresupi eseva nayo. **Antonimuggaposīnīti** yāni anto nimuggāneva posiyanti. **Udakaṃ accuggamma ṭhitānī** ti udakaṃ atikkamitvā ṭhitāni. Tattha yāni accuggamma ṭhitāni, tāni sūriyasmisamphassaṃ āgamayamānāni ṭhitāni ajja pupphanakāni. Yāni pana samodaka. ṃ ṭhitāni, tāni sve pupphanakāni. Yāni udakānuggatāni antonimuggaposīni, tāni tatiyadivase

pupphanakāni. Udakā pana anuggatāni aññānipi sarogauppālādīni nāma atthi, yāni neva pupphissanti, macchakacchapabhakkhāneva bhavissanti, tāni pālīṃ nāruḷhāni. Āharitvā pana dīpetabbānīti dīpitāni. Yatheva hi tāni catubbidhāni pupphāni, evamevaṃ ugghaṭṭitaññū vipaṅcitaññū neyyo padaparamoti cattāro puggalā.

Tattha “yassa puggalassa saha udāhaṭavelāya dhammābhisamayo hoti, ayaṃ vuccati puggalo **ugghaṭṭitaññū**. Yassa puggalassa saṃkhittena bhāsītassa vitthārena atthe vibhajiyamāne dhammābhisamayo hoti, ayaṃ vuccati puggalo **vipaṅcitaññū**. Yassa puggalassa uddesato paripucchato yoniso manasikaroto kalyāṇamitte sevato bhajato payirupāsato anupubbena dhammābhisamayo hoti, ayaṃ vuccati puggalo **neyyo**. Yassa puggalassa bahumpi suṇato bahumpi bhaṇato bahumpi dhārayato bahumpi vācayato na tāya jātiyā dhammābhisamayo hoti, ayaṃ vuccati puggalo **padaparamo** (pu. pa. 148-151). Tattha bhagavā uppavalānādisadisamaṃ dasasahassilokadhātumaṃ olokento – “ajja pupphanakāni viya ugghaṭṭitaññū, sve pupphanakāni viya vipaṅcitaññū, tatiyadivase pupphanakāni viya neyyo, macchakacchapabhakkhāni pupphāni viya padaparamo”ti addassa. Passanto ca “ettakā apparajakkhā, ettakā mahārajakkhā, tatrāpi ettakā ugghaṭṭitaññū”ti evaṃ sabbākāratova addasa.

Tattha tiṇṇaṃ puggalānaṃ imasmimyeva attabhāve bhagavato dhammadesanā atthaṃ sādheti. Padaparamānaṃ anāgatattāya vāsanā hoti. Atha bhagavā imesaṃ catunnaṃ puggalānaṃ atthāvahaṃ dhammadesanaṃ viditvā desetukamyataṃ uppādetvā puna sabbepi tīsu bhavesu satte bhabbābhavavasena dve koṭṭhāse akāsi. Ye sandhāya vuttaṃ – “katame sattā abhabbā? Ye te sattā kammāvaraṇena samannāgatā kilesāvaraṇena samannāgatā vipākāvaraṇena samannāgatā assaddhā acchandikā duppaññā abhabbā niyāmaṃ okkamitumaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ, ime te sattā abhabbā. Katame sattā bhabbā? Ye te sattā na kammāvaraṇena...pe... ime te sattā bhabbā”ti (vibha. 827; paṭi. ma. 1.115). Tattha sabbepi abhabbapuggale pahāya bhabbapuggaleyeva ñāṇena pariḡgahetvā, “ettakā rāgacaritā ettakā dosa-mohacaritā vitakka-saddhā-buddhicaritā”ti cha koṭṭhāse akāsi. Evaṃ katvā dhammaṃ desessāmīti cintesi.

Paccabhāsīti patiabhāsi. **Apārutāti** vivaṭā. **Amatassa dvārāti** ariyamaggo. So hi amatasāṅkhātassa nibbānassa dvāraṃ, so mayā vivaritvā ṭhapitoti dasseti. **Pamuñcantu saddhanti** sabbe attano saddhaṃ pamuñcantu vissajjentu. Pacchimapadadvaye ayamatto – ahañhi attano paḡaṇaṃ suppvattitampi imaṃ paṇītaṃ uttamaṃ dhammaṃ kāyavācākīlamathasaññī hutvā na bhāsiṃ. Idāni pana sabbo jano saddhābhājanaṃ upanetu, pūressāmi tesamaṃ saṅkappanti.

Antaradhāyīti satthāraṃ gandhamālādīhi pūjetvā antarahito, sakaṭṭhānameva gatoti attho. Gate ca pana tasmim bhagavā “kassa nu kho ahaṃ paṭhamamaṃ dhammaṃ deseyya”nti? Āḷārudakānaṃ kālaṅkatabhāvaṃ, pañcavaggiyānañca

bahūpakārabhāvaṃ ñatvā tesāṃ dhammaṃ desetukāmo bārāṇasiyaṃ isipatanāṃ
gantvā dhammacakkaṃ pavattesīti. Paṭhamāṃ.